

CHI THUỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2026

(Phụ lục đính kèm Công văn số: /TNXP-KHTC ngày tháng năm 2025 của Lực lượng TNXP)

Đvt: triệu đồng

| STT | Nội dung                                               | Chi trợ giá<br>theo chính<br>sách | Chi hoạt<br>động<br>kinh tế | Chi sự<br>nghiệp<br>bảo vệ môi<br>trường | Chi sự<br>nghiệp<br>giáo dục | Chi sự<br>nghiệp<br>y tế | Chi SN<br>văn hóa<br>thông tin | Chi SN<br>phát<br>thanh<br>truyền<br>hình | Chi SN<br>thể dục<br>thể thao | Chi khoa<br>học<br>công<br>nghệ | Chi đảm<br>bảo<br>xã hội | Chi quản<br>lý<br>hành<br>chính | Chi an<br>ninh<br>quốc<br>phòng | Chi khác<br>ngân sách | Chi thi<br>đua<br>khen<br>thưởng | Tổng cộng   |
|-----|--------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|--------------------------|---------------------------------|---------------------------------|-----------------------|----------------------------------|-------------|
| A   | B                                                      | 1                                 | 2                           | 3                                        | 4                            | 5                        | 6                              | 7                                         | 8                             | 9                               | 10                       | 11                              | 12                              | 13                    | 14                               | 15=1+...+14 |
|     | Tổng cộng                                              | -                                 | 206.315                     | -                                        | 26.506                       | -                        | -                              | -                                         | -                             | -                               | 294.909                  |                                 |                                 |                       |                                  | 527.729     |
| 1   | Cơ quan Lực lượng TNXP                                 |                                   | 206.315                     |                                          |                              |                          |                                |                                           |                               |                                 | 7.840                    |                                 |                                 |                       |                                  |             |
|     | Chi thường xuyên                                       |                                   | 204.449                     |                                          |                              |                          |                                |                                           |                               |                                 | 7.840                    |                                 |                                 |                       |                                  |             |
|     | Chi duy tu                                             |                                   | 1.866                       |                                          |                              |                          |                                |                                           |                               |                                 |                          |                                 |                                 |                       |                                  |             |
| 2   | Trung tâm Giáo dục thường xuyên TNXP                   |                                   |                             |                                          | 26.506                       |                          |                                |                                           |                               |                                 |                          |                                 |                                 |                       |                                  |             |
| 3   | Làng Thiếu niên Thủ Đức                                |                                   |                             |                                          |                              |                          |                                |                                           |                               |                                 | 77.064                   |                                 |                                 |                       |                                  |             |
| 4   | Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ trẻ em Linh Xuân          |                                   |                             |                                          |                              |                          |                                |                                           |                               |                                 | 61.096                   |                                 |                                 |                       |                                  |             |
| 5   | Trung tâm Bảo trợ trẻ em Tam Bình                      |                                   |                             |                                          |                              |                          |                                |                                           |                               |                                 | 86.864                   |                                 |                                 |                       |                                  |             |
| 6   | Trung tâm Bảo trợ - Dạy nghề và tạo việc làm Thành phố |                                   |                             |                                          |                              |                          |                                |                                           |                               |                                 | 46.747                   |                                 |                                 |                       |                                  |             |
| 7   | Nhà Tang lễ Thành phố                                  |                                   |                             |                                          |                              |                          |                                |                                           |                               |                                 | 15.298                   |                                 |                                 |                       |                                  |             |